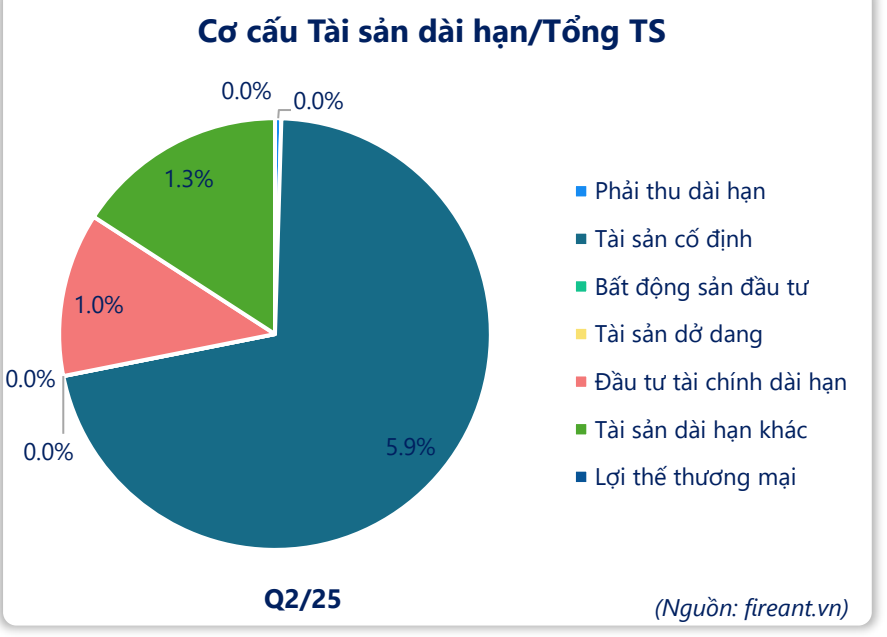
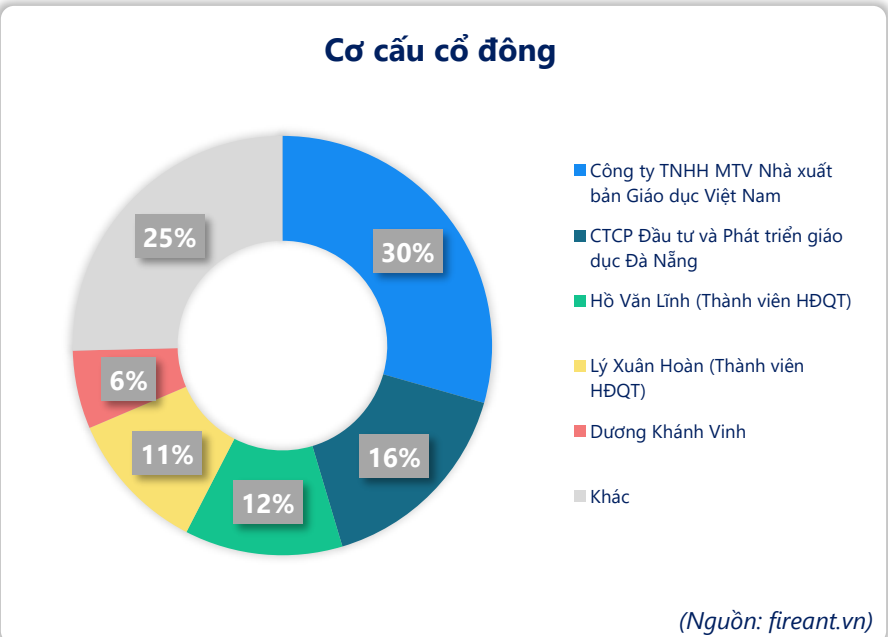
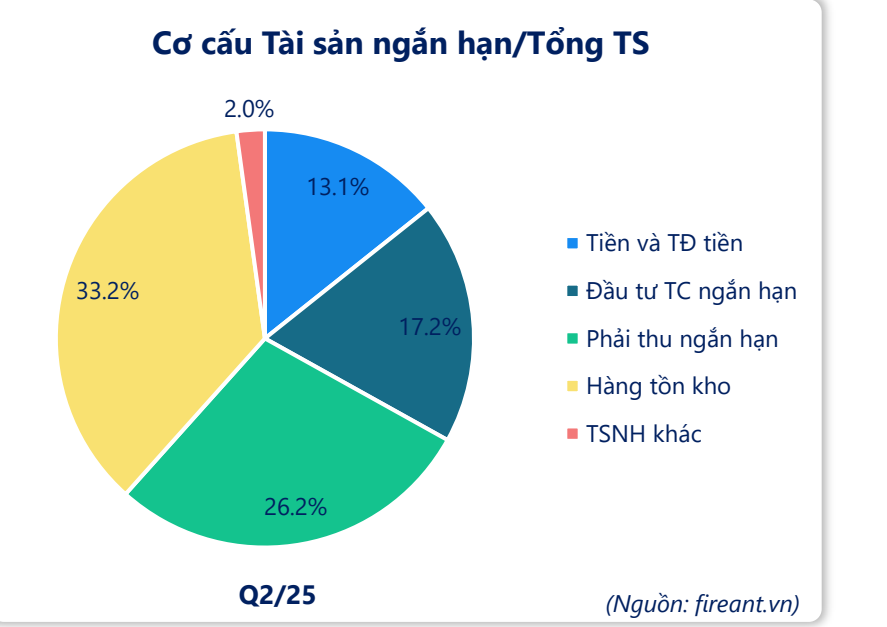
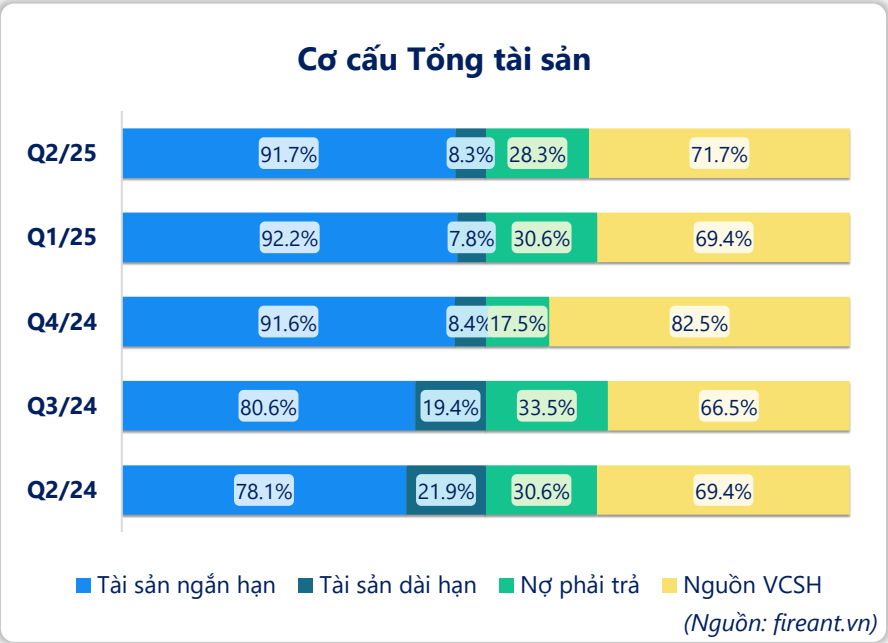
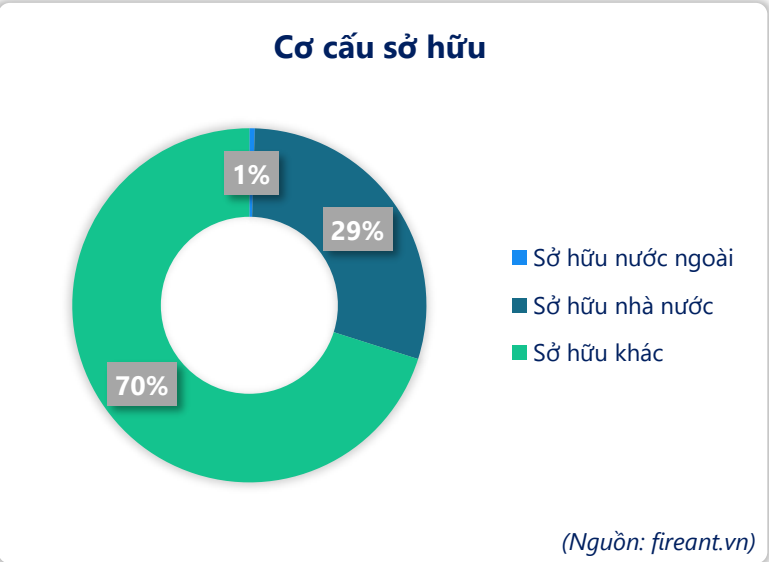
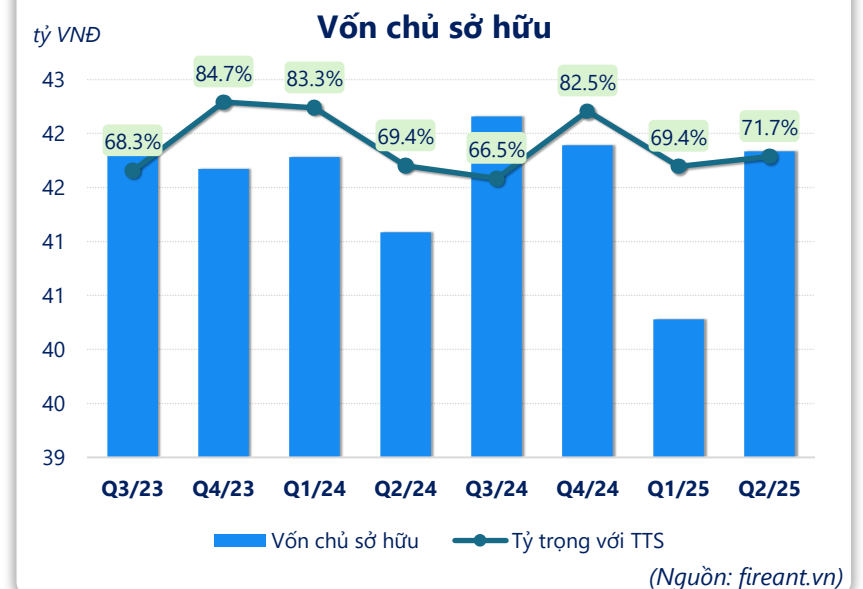
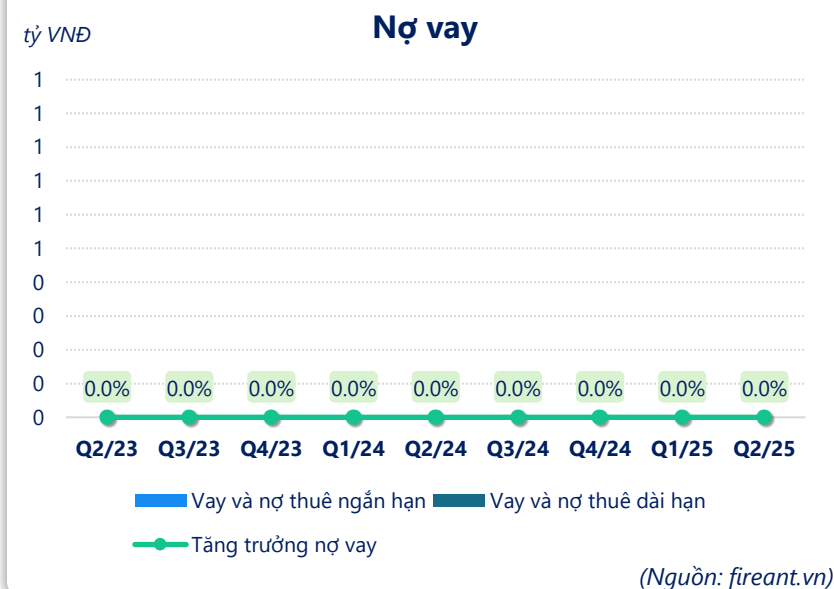
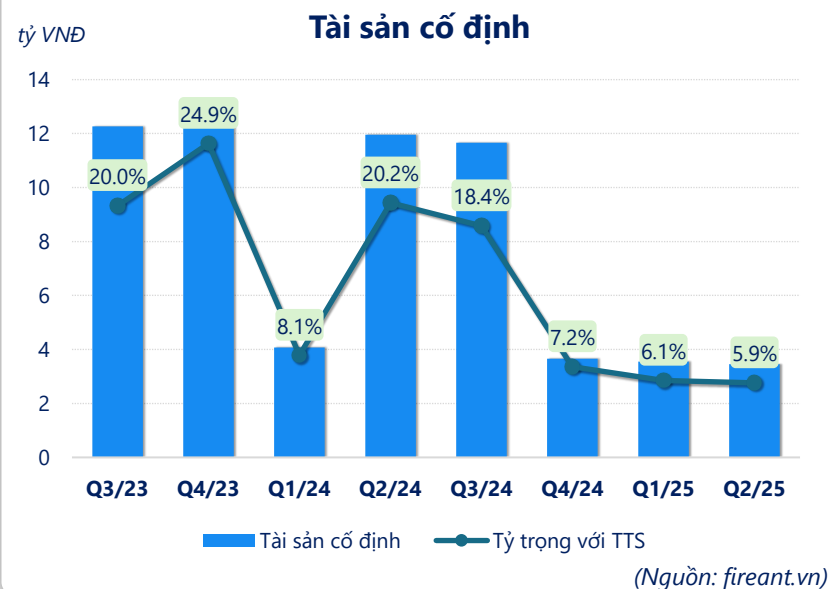
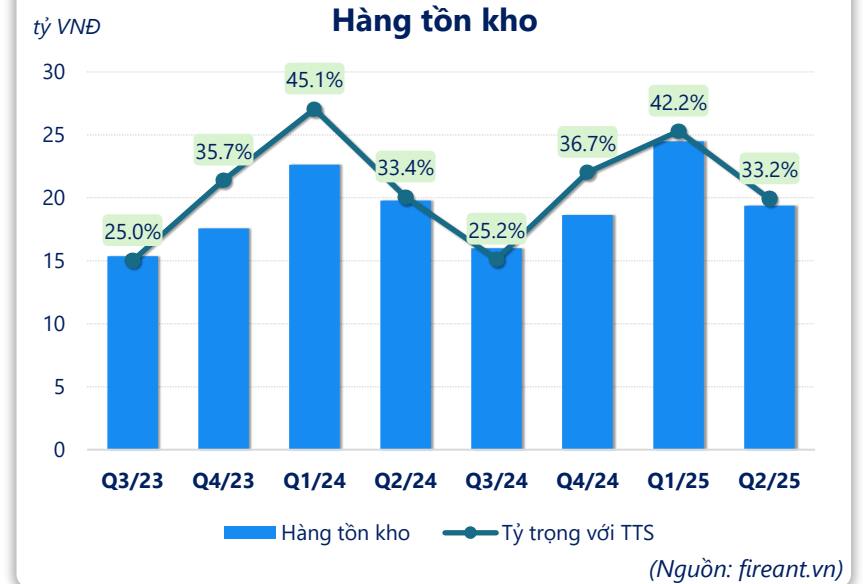
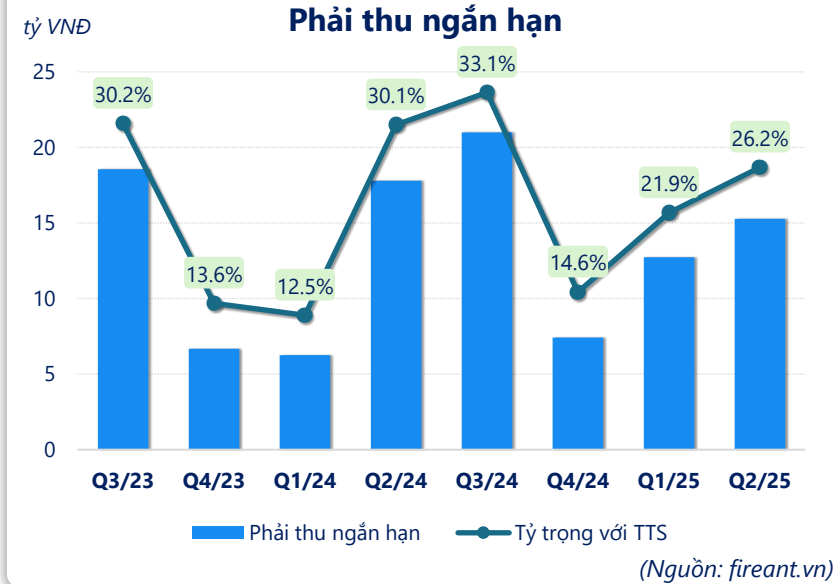
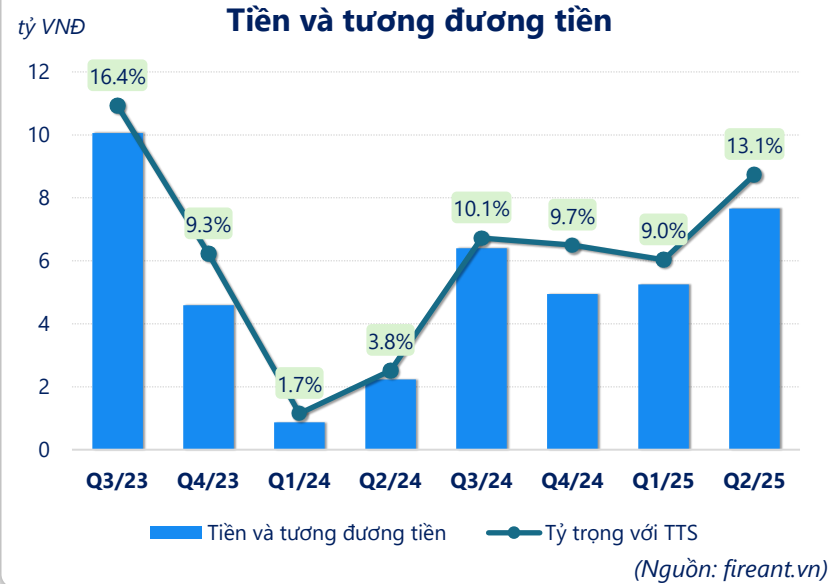
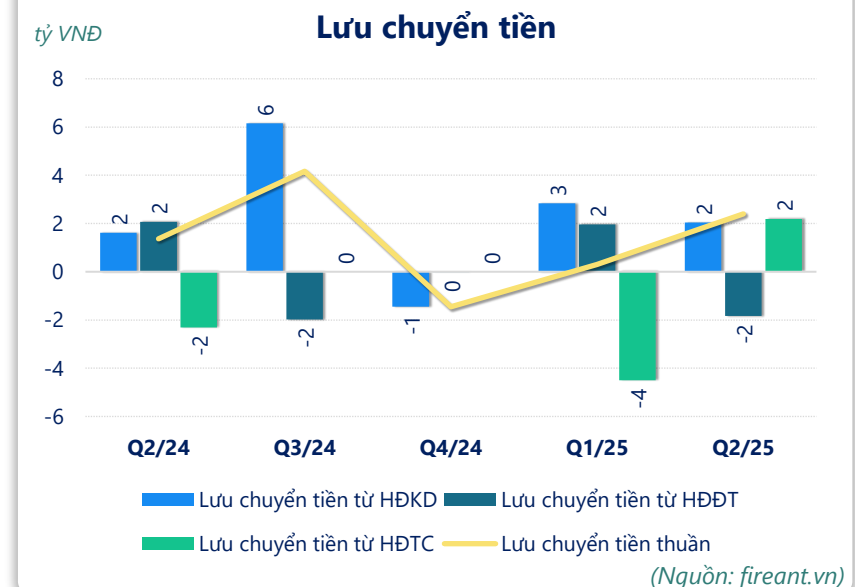
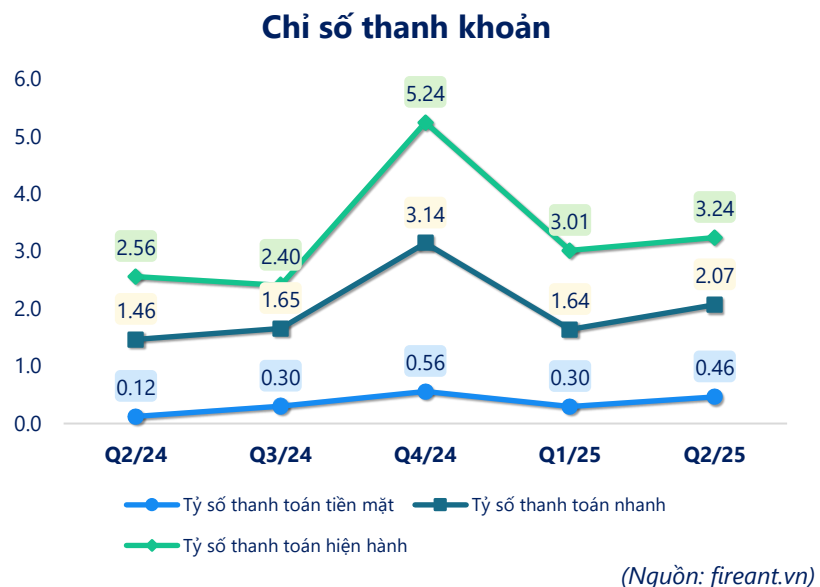
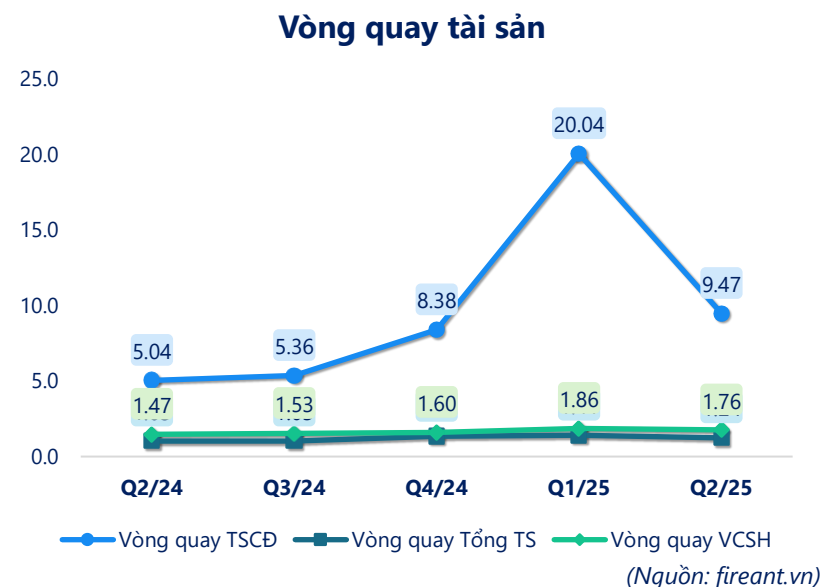
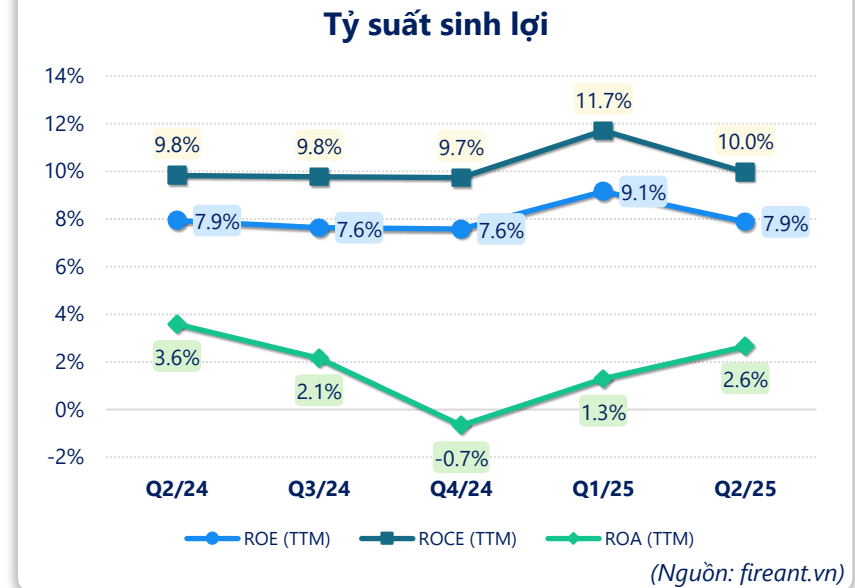
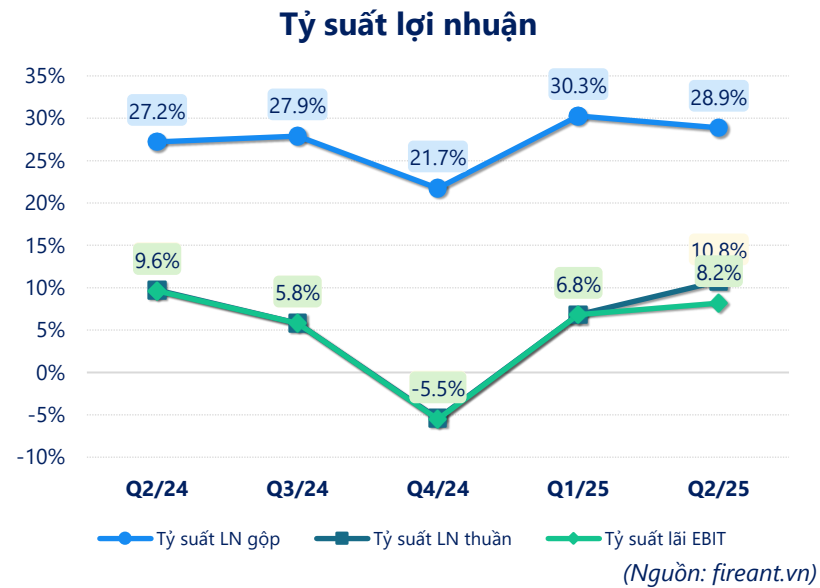
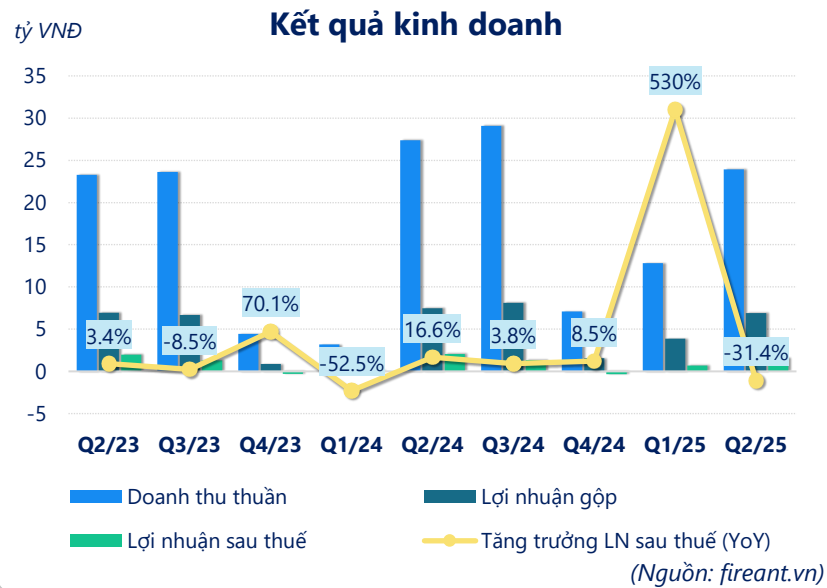


Thông tin giao dịch		30/06/2025
Giá hiện tại (VNĐ)		14,500
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)		16,300
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)		11,869
SL cổ phiếu LH		1,925,658
KLGD BQ 20 phiên (CP)		220
% sở hữu nước ngoài		0.5%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)		
Vốn hóa (tỷ VNĐ)		28
P/E		8.6
EPS		1,695

	YTD	1T	3T	6T
DAE	0.9%	0.0%	-9.4%	-0.4%
VNINDEX	8.4%	2.1%	5.3%	8.0%







CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/6/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	58.4	50.8	15.0%
Tài sản ngắn hạn	53.5	46.2	15.9%
Tiền và tương đương tiền	7.65	4.95	54.7%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	10.1	14.4	-30.4%
Phải thu ngắn hạn	15.3	7.12	115%
Hàng tồn kho	19.4	18.6	4.0%
Tài sản ngắn hạn khác	1.17	1.04	12.1%
Tài sản dài hạn	4.84	4.59	5.6%
Phải thu dài hạn	0.02	0.33	-93.0%
Tài sản cố định	3.46	3.65	-5.4%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	0	0	
Đầu tư tài chính dài hạn	0.59	0.59	0.0%
Tài sản dài hạn khác	0.77	0.01	6477%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	16.5	8.88	86.4%
Nợ ngắn hạn	16.5	8.87	86.5%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	0	0	
Phải trả người bán ngắn hạn	9.43	6.40	47.4%
Nợ dài hạn	0.01	0.01	0.0%
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	41.8	41.9	-0.1%
Vốn chủ sở hữu	41.8	41.9	-0.1%
Vốn điều lệ	19.3	19.3	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Doanh thu thuần	27.4	29.1	7.11	12.8	23.9
Giá vốn hàng bán	19.9	21.0	5.56	8.93	17.0
Lợi nhuận gộp	7.46	8.11	1.54	3.88	6.92
Doanh thu HĐTC	0.06	0.00	0.04	0.50	0.55
Chi phí TC	-1.60	0.65	0.69	-0.35	-0.40
Chi phí lãi vay	0	0	0	0	0
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	3.05	2.51	0.36	1.29	2.68
Chi phí QLDN	3.40	3.26	0.91	2.57	2.61
LN thuần từ HĐKD	2.67	1.68	-0.39	0.87	2.58
Lợi nhuận khác	-0.03	0	-0.01	0	-0.62
LN trước thuế	2.64	1.68	-0.39	0.87	1.96
Lợi nhuận sau thuế	2.05	1.34	-0.33	0.70	1.56
LNST của CĐ cty mẹ	2.05	1.34	-0.33	0.70	1.56

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tỷ VNĐ)	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	1.62	6.15	-1.45	2.84	2.05
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	2.06	-1.98	0.00	1.96	-1.83
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-2.31	0	0	-4.50	2.18
Tiền đầu kỳ	0.86	2.23	6.40	4.95	5.25
Lưu chuyển tiền thuần	1.37	4.17	-1.45	0.30	2.40
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	2.23	6.40	4.95	5.25	7.65

(Nguồn: fireant.vn)